Số: 1348/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2025-06-20T08:40:53+07:00

Phụ lục. II

ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN KRÔNG NĂNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Krông Năng	xã Dliêya	Xã Ea Tóh	Xã Ea Tam	Xã Phú Lộc	Xã Tam Giang	Xã Ea Púk	Xã Ea Dăh	Xã Ea Hồ	Xã Phú Xuân	Xã Cư Klông	Xã Ea Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**122,92**	**2,22**	**6,87**		**14,63**	**0,99**	**0,33**	**26,52**	**20,58**	**2,39**	**2,00**	**46,39**	
1.1	Đất trồng lúa	LUA													
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK													
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	66,26	2,22	6,87		0,73	0,99	0,33		15,00	2,39	2,00	35,73	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	5,58								5,58				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	51,08				13,90			26,52				10,66	
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**9,24**	**4,36**							**0,14**		**4,74**		
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT													
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2,73	2,73											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC													
2.4	Đất quốc phòng	CQP	0,44	0,44											
2.5	Đất an ninh	CAN	0,14								0,14				
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	5,34	**0,60**									**4,74**		
2.7.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,26	0,52									4,74		
2.7.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,08	0,08											
2.7.3	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,59	**0,59**											
2.8.1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,59	0,59											